

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/KDTM-PT

Ngày: 06 - 05 - 2022

V/v Tranh chấp hợp đồng
vận chuyển hàng hải

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Ông Chung Văn Kết

- Thư ký phiên tòa: Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 05 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 23/2021/TLPT-KDTM ngày 29 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hải”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 1333/2020/KDTM-ST ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 506/2022/QĐPT ngày 20 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH May T4; Địa chỉ: Số 01, Lô K, Đường 6, Cư xá B, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: (theo Giấy ủy quyền ngày 19/6/2020).

- Ông Hoàng P; (có mặt)

- Ông Đỗ Hoàng L; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Phòng 802, C, số 72-74 N, phường 6, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Đinh Quang Thuận; địa chỉ: Phòng 802, C, số 72-74 N, phường 6, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

2. *Bị đơn:* Công ty S,Ltd; Địa chỉ: 5F, No.1, S1, T, T1, T2, P.O.C; Có văn phòng đại diện tại: 117-119 P1, quận P2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Minh H; địa chỉ: 37 đường số 2, khu dân cư H1, phường T3, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 16/7/2012) (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* I; Địa chỉ: 511 F, N1, NY 10017.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Công ty TNHH May T4; Bị đơn Công ty S

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 5 năm 2012, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - ông Hoàng P trình bày:*

Ngày 03 tháng 12 năm 2011, thông qua Văn phòng Đại diện của S tại Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH May T4 (gọi tắt là T4) có gửi một lô hàng gồm 993 thùng các-tông quần áo phụ nữ (gọi tắt là Lô Hàng) cho Công ty S,Ltd (gọi tắt là S) vận chuyển bằng đường biển trên tàu B1 V.81148R, theo vận đơn số HMLAX031211 ngày 03/12/2011, từ cảng C1, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh đến Cảng N2, Hoa Kỳ để giao cho người nhận hàng theo lệnh của Ngân hàng Chiết Khấu I (gọi tắt là Ngân hàng IDB) tại N1 là S2. Theo hóa đơn số SKV02 ngày 24 tháng 11 năm 2011, Lô Hàng có giá trị tương đương 88.132 Đô la Mỹ.

Ngày 03 tháng 01 năm 2012, nhận thấy khách hàng của T4 không có ý định thanh toán tiền hàng, T4 đã gửi Văn bản số 05 cho S thông qua Văn phòng đại diện của S tại Việt Nam, trong đó yêu cầu S thực hiện như sau: S chỉ được giao Lô Hàng khi bên người nhận hàng là S2 xuất trình được Vận Đơn bản gốc có ký hậu của Ngân Hàng IDB; S không được giao hàng theo sự bảo lãnh của bên thứ ba, kể cả có bảo lãnh của Ngân Hàng IDB; và Nếu S tự ý giao hàng mà không thu hồi được bản gốc Vận Đơn và không có sự chấp nhận của T4, S phải thanh toán cho T4 toàn bộ giá trị Lô Hàng là 88.132 Đô la Mỹ (Văn Bản số 05 với nội dung trên đã được Văn phòng đại diện của S ký và đóng dấu xác nhận).

Ngày 04 tháng 01 năm 2012, thông qua Văn phòng đại diện của S, T4 tiếp tục gửi Văn bản số 06 cho S, trong đó thông báo do khách hàng không thanh

toán tiền nên T4 yêu cầu S giữ lại Lô hàng, không giao cho khách hàng cho đến khi S nhận được thông báo giao hàng bằng văn bản của T4.

Ngày 05 tháng 01 năm 2012, T4 gửi Văn bản số 07 cho S thông qua Văn phòng đại diện của S, trong đó thông báo do khách hàng không thanh toán tiền nên T4 yêu cầu S chuyển trả lô hàng về Việt Nam, T4 sẽ thanh toán cho S mọi chi phí vận chuyển phát sinh. Đồng thời, T4 cũng gửi thư điện tử cho S với cùng yêu cầu nêu trên và được S xác nhận bằng thư điện tử rằng S sẽ chuyển trả lô hàng về Thành phố Hồ Chí Minh cho T4.

Ngày 06 tháng 01 năm 2012, T4 tiếp tục gửi Văn bản số 01 để nhắc nhở một lần nữa cho S, yêu cầu S giữ lại Lô Hàng không giao cho khách hàng cho đến khi S nhận được thông báo giao hàng bằng văn bản của T4. Bên cạnh đó, T4 đang chuẩn bị các thủ tục để nhờ S chở hàng về Việt Nam.

Tại Công Văn 09, T4 đã thông báo cho S rằng T4 đang yêu cầu ngân hàng nước ngoài gửi bản gốc Vận Đơn cho T4 và T4 sẽ cung cấp cho S bản gốc Vận Đơn vào ngày 17 tháng 01 năm 2012. Công Văn 09 đã được Bà Đoàn Thị H2 (là đại diện của S) ký nhận. Tuy nhiên, S sau đó đã tự ý giao Lô Hàng khi chưa có bản gốc Vận Đơn.

Bất chấp sự nhắc nhở liên tục từ T4, ngày 06 tháng 01 năm 2012, S đã tự ý giao lô hàng trên của công ty T4 gửi mà không thu hồi bản gốc Vận Đơn theo quy định cũng như theo cam kết tại Văn Bản 05 mà S đã cam kết với T4. Nếu tuân thủ pháp luật, S lẽ ra phải giữ hàng lại, khi T4 hoàn lại Vận Đơn gốc thì S đưa hàng về theo yêu cầu của T4 và T4 chịu mọi chi phí phát sinh. Trường hợp giao hàng, S phải luôn bảo đảm giao hàng cho người nhận hàng xuất trình Vận Đơn gốc có ký hậu hợp lệ. Vi phạm nêu trên của S khiến cho T4 bị mất toàn bộ lô hàng. T4 đã nhiều lần yêu cầu S bồi thường thiệt hại giá trị Hàng nhưng cho đến nay S vẫn chối bỏ trách nhiệm, không thực hiện việc bồi thường cho T4.

Hiện nay T4 vẫn đang giữ bản gốc Vận Đơn của Lô Hàng và trên Vận Đơn không có bất kỳ chữ ký hậu của bất kỳ tổ chức/cá nhân nào. S rõ ràng đã tự ý giao lô hàng gồm 993 thùng các-tông quần áo phụ nữ của T4 trong khi không có bản gốc Vận Đơn có ký hậu theo như quy định của Bộ luật Hàng Hải 2005. Hành vi này vi phạm nghĩa vụ vận chuyển đối với T4 và làm mất toàn bộ Lô Hàng của T4 nên S phải chịu trách nhiệm bồi thường cho T4 toàn bộ giá trị Lô Hàng. Do đó, T4 yêu cầu Tòa án xem xét và buộc Công ty S,Ltd phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

1. Bồi thường cho Công ty T4 giá trị lô hàng là 88.132 Đô la Mỹ tương đương 1.837.552.200 đồng.

2. Thanh toán cho Công ty T4 tiền lãi tính trên giá trị Lô hàng là 122.503.480 đồng.

Tổng cộng Công ty S,Ltd phải thanh toán cho Công ty T4 số tiền 1.960.055.680 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định lại yêu cầu như sau:

- Buộc S bồi thường toàn bộ giá trị Lô Hàng là: 70.160,4 Đô la Mỹ, tương đương với 1.623.862.458 đồng.

Nguyên đơn rút lại yêu cầu về việc Buộc S thanh toán tiền lãi tính trên giá trị Lô Hàng (tạm tính từ ngày 6 tháng 1 năm 2012 đến ngày 29 tháng 06 năm 2020): 1.863.382.171 đồng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn – Công ty S,Ltd có ông Phạm Minh H trình bày:*

Xác nhận tháng 12/2011, Công ty S,Ltd có nhận được yêu cầu vận chuyển một lô hàng của Công ty T4 từ Việt Nam sang Hoa Kỳ. Lô hàng gồm 993 thùng các-tông quần áo phụ nữ. Ngày 03/12/2011, S đã tiến hành phát hành Vận đơn số HMLAX031211 (gọi tắt là Vận Đơn) và tiến hành thủ tục vận chuyển lô hàng nêu trên từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Cảng N2, Hoa Kỳ theo yêu cầu của Công ty T4. Tại mục Consignee (Người nhận hàng) của Vận Đơn, việc giao hàng cho người nhận được quy định là: *To Order of I.* Phương thức giao hàng “*To Order of*” này được hiểu là lô hàng sẽ được giao theo yêu cầu của Ngân hàng IDB ở N1, Hoa Kỳ.

Ngày 03/01/2012, khi lô hàng được vận chuyển đến Hoa Kỳ, S nhận được lệnh yêu cầu giao hàng của Ngân hàng IDB (thông qua hình thức thư bảo lãnh), theo đó, Ngân hàng IDB yêu cầu S tiến hành giao lô hàng trên cho người nhận là S2. 1407 Broadway, Suit 503, N1, N.Y. 10018. Cụ thể: ngân hàng đề nghị S “phát hành lệnh giao hàng và giao hàng đối với hàng hóa” cho người nhận là S2 và “*đồng ý bảo đảm cho quý công ty và/hoặc người vận chuyển nêu trên, chủ sở hữu, người thuê tàu, thuyền trưởng, và đại lý sẽ vô hại khỏi bất cứ và tất cả các hệ quả phát sinh nào bởi việc thực hiện yêu cầu này. Chúng tôi cũng cam kết rằng khi nhận được vận đơn gốc, chúng tôi sẽ chuyển đến quý công ty hoặc thu xếp cho khách hàng chuyển tới quý công ty một bộ vận đơn gốc. Sự bảo đảm này sẽ hết hiệu lực đến khi quý công ty nhận được vận đơn gốc*”.

Nhận thấy lệnh yêu cầu giao hàng của Ngân hàng IDB như nêu trên là phù hợp với quy định “*to order of*” của Vận Đơn, nên S đã tiến hành giao lô hàng này theo yêu cầu của Ngân hàng IDB đúng theo quy định của Vận Đơn.

Theo quy định tại mục 6 của Vận đơn, khi quy định về Trách nhiệm của người vận chuyển có quy định việc vận chuyển hàng hóa này phải tuân thủ theo pháp luật Hoa Kỳ và thông lệ vận chuyển quốc tế chứ không chỉ tuân theo pháp luật Việt Nam. Theo email ngày 05/01/2012 gửi cho T4, S có nêu rõ đã nhận

được cuộc gọi của T4 yêu cầu ngừng giao lô hàng. S cũng đã nêu rõ trong email là “*Chúng tôi không được phép giao lô hàng cho bất kỳ ai, trừ khi bên mua mới có thể xuất trình Vận đơn gốc cho chúng tôi*”.

Ngoài ra, trong email S cũng nêu rõ: “*Chúng tôi thông báo rằng chúng tôi đã nhận được Thư bảo lãnh của Ngân hàng IDB để chuyển giao lô hàng cho Skiva mà không có Vận đơn đường biển vào ngày hôm qua, theo quy tắc hàng hải và pháp luật Hoa Kỳ, thẳng thắn mà nói người giao hàng không có quyền giữ hàng hóa khi khách hàng xuất trình thư bảo lãnh ngân hàng*”. Đồng thời “*Chúng tôi không có quyền giữ lô hàng này ở Hoa Kỳ trái với Pháp luật Hoa Kỳ, vì thế vui lòng để lại cho đại lý NewYork của chúng tôi bản gốc Vận Đơn (đã được Ngân hàng IDB xác nhận) trước 12:00 trưa ngày 06/01, nếu không, chúng tôi không thể giữ thùng hàng này hoặc chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào trong trường hợp này.*”

Do T4 không cung cấp được vận đơn gốc cho bị đơn trước 12:00 ngày 06/01/2012 nên bị đơn phải giao hàng theo yêu cầu của Ngân hàng IDB là phù hợp với thông lệ vận chuyển quốc tế và pháp luật Hoa Kỳ cũng như phù hợp với Điều 92 Luật Hàng hải Việt Nam nên không có nghĩa vụ phải bồi thường thiệt hại theo như yêu cầu của Công ty T4.

Tại phiên tòa ngày 22/8/2019, Tòa án đã yêu cầu S phải tiến hành hợp pháp hóa lãnh sự Thư bảo lãnh của Ngân hàng IDB. S đã tiến hành liên hệ với đại lý ở Hoa Kỳ để tiến hành thủ tục này. Theo quy định của pháp luật Hoa Kỳ, việc thực hiện thủ tục này phải do người phát hành văn bản thực hiện, tức phải do Ngân hàng IDB thực hiện, tuy nhiên Ngân hàng IDB không hợp tác và không đồng ý thực hiện thủ tục này. Do vậy, S không thể cung cấp bản hợp pháp hóa lãnh sự Thư bảo lãnh của Ngân hàng cho tòa án được, chỉ có thể cung cấp bản dịch có công chứng Thư bảo lãnh cho tòa án. Tại tòa bị đơn cũng xác định là Ngân hàng IDB cũng chưa giao lại bộ vận đơn gốc cho S và S xác định cũng không đặt yêu cầu độc lập với IDB trong vụ án này.

Theo thông tin S được biết, lô hàng mà Công ty T4 yêu cầu vận chuyển được Công ty T4 bán cho Công ty Dan Fong International Trade Inc Ltd, Đài Loan (“Công ty Dan Fong”). Công ty Dan Fong bán lô hàng này lại cho Công ty S,Ltdkiva International Inc Và thư tín dụng được S2 mở cho lô hàng nêu trên. Bên thụ hưởng là Công ty Dan Fong. Cụ thể, trong vận đơn, lô hàng của Công ty T4 có số phân loại hàng hóa (Category number) là “CAT 636” và “CAT 237” (thể hiện tại mục Mô tả hàng hóa), trong Thư tín dụng, phần mô tả hàng hóa (mục 45A) cũng thể hiện rõ số phân loại hàng hóa này (CAT 636 và CAT 237). Ngoài ra, Thư tín dụng cũng thể hiện rõ bên thông báo là S2 và Ngân hàng phát hành là Ngân hàng IDB.

S Đài Loan đã thực hiện đúng nghĩa vụ vận chuyển của mình theo quy định tại Vận Đơn số HMLAX031211. Do vậy, S không có trách nhiệm nào đối với các thiệt hại (nếu có) của Công ty T4. Đề nghị Tòa bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của T4.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – I:* Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp để tổng đạt hợp lệ cho I. Nhưng I vẫn vắng mặt và không gửi lời khai, tài liệu chứng cứ cho tòa án

** Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 1333/2020/KDTM-ST ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:*

- Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 30, Khoản 3 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 37, điểm a Khoản 3 Điều 38, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 244, Điều 259, Điều 273, Khoản 1 Điều 474, điểm b Khoản 5 Điều 477 và Khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ quy định tại Điều 70, Điều 73, Khoản 1 Điều 79, Điều 86, Điều 87, Điều 92, Điều 93 Bộ luật Hàng Hải Việt Nam 2005;

- Căn cứ Điều 4 Khoản 5a Quy tắc HAGUE- VISBY (1968)

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty TNHH May T4 về việc buộc Công ty S,Ltd phải bồi thường giá trị lô hàng là 325.822.000 đồng (Ba trăm hai mươi lăm triệu tám trăm hai mươi hai đồng).

Kể từ ngày Công ty TNHH May T4 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu Công ty S,Ltd chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nói trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn về việc Buộc Công ty S,Ltd phải thanh toán tiền lãi tính trên giá trị Lô Hàng (tạm tính từ ngày 06 tháng 01 năm 2012 đến ngày 29 tháng 06 năm 2020) với số tiền là 1.863.382.171 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 01/9/2020, ông Hoàng P là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn Công ty TNHH May T4 có đơn kháng cáo đề nghị sửa án, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện

Ngày 07/9/2020, ông Phạm Minh H là người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn Công ty S,Ltd có đơn kháng cáo đề nghị sửa án, buộc Ngân hàng IDB bồi thường cho Công ty May T4.

** Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có quan điểm như sau:*

Đồng ý với nội dung của bản án sơ thẩm về việc xác định phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ, nhưng không đồng ý với cách tính số tiền thiệt hại của bản án sơ thẩm. Việc cấp sơ thẩm xác định 01 Container là một kiện là không đúng và ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm như sau:*

Phía bị đơn giao hàng là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 93 Luật Hàng hải. Lỗi thuộc về phía bị đơn. Vì vậy bị đơn phải bồi thường toàn bộ giá trị lô hàng cho nguyên đơn.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xác định giá trị của lô hàng:

Các đương sự thừa nhận, bên vận chuyển là S đã phát hành vận đơn HMLAX031211 ngày 03/12/2011 cho bên thuê vận chuyển là Công ty T4 để vận chuyển lô hàng gồm 993 thùng các tông quần áo phụ nữ.

Nguyên đơn là công ty T4 cho rằng, lô hàng nêu trên có giá trị 88.132 USD và khởi kiện yêu cầu bị đơn là S bồi thường giá trị của lô hàng do lỗi không thực hiện đúng nghĩa vụ của bên vận chuyển gây thiệt hại cho công ty T4.

Căn cứ vào vận đơn HMLAX031211 ngày 03/12/2011 thì số lượng hàng hóa mà S nhận vận chuyển là 993 thùng các tông quần áo, đúng như công ty T4 trình bày nhưng vận đơn lại không thể hiện giá trị lô hàng.

Xét thấy, S không phản đối đối với ý kiến của công ty T4 về giá trị lô hàng. Tại văn bản số 05 ngày 03/01/2012 (BL42) mà công ty T4 gửi cho S về việc yêu cầu S không giao hàng có thể hiện “*Nếu S tự ý giao hàng thì phải thanh toán toàn bộ số tiền hàng theo giá trị của hóa đơn mà công ty T4 đã bán cho khách hàng là 88.132,6 USD*”, văn bản này được S ký xác nhận. Như vậy, có chứng cứ chứng minh S đã biết và thừa nhận giá trị của lô hàng.

Khoản 2 Điều 73 của Bộ luật Hàng hải năm 2005 quy định “*Vận đơn là*

chứng từ vận chuyển làm bằng chứng về việc người vận chuyển đã nhận hàng hoá với số lượng, chủng loại, tình trạng như được ghi trong vận đơn để vận chuyển đến nơi trả hàng; bằng chứng về sở hữu hàng hoá dùng để định đoạt, nhận hàng và là bằng chứng của hợp đồng vận chuyển hàng hoá bằng đường biển” và Điều 87 của Bộ luật Hàng hải năm 2005 quy định “Nội dung vận đơn phải mô tả về trọng lượng và giá trị hàng hóa nếu xét thấy cần thiết”. Mặc dù vận đơn do S lập không mô tả giá trị hàng hóa, nhưng bên giao hàng là công ty T4 đã thông báo về giá trị lô hàng cho S biết và được S chấp nhận. Do đó, nếu S có lỗi thì phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ giá trị hàng hóa theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 79 của Bộ luật Hàng hải năm 2005.

Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng, vận đơn không thể hiện giá trị lô hàng mà chỉ thể hiện khối lượng, công ty T4 không chứng minh được giá trị lô hàng nên căn cứ khoản 1 Điều 79 của Bộ luật Hàng hải năm 2005 để xác định S chỉ có nghĩa vụ bồi thường trong giới hạn tối đa theo quy định của điều luật này là không phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về việc xác định lỗi của bên vận chuyển:

Công ty T4 xác định đã nhiều lần gửi văn bản cho S để yêu cầu S không giao hàng. S đã giao hàng cho bên mua khi chưa có vận đơn gốc có ký hậu hợp lệ của Ngân hàng IDB, dẫn đến bên mua không thanh toán. Do đó, S có lỗi đối với toàn bộ thiệt hại của công ty T4.

S lại xác định, tại mục người nhận hàng của vận đơn thì S giao hàng theo yêu cầu của Ngân hàng IDB. Ngày 03/01/2012, S đã nhận được lệnh giao hàng của Ngân hàng IDB, lệnh yêu cầu giao hàng của Ngân hàng IDB là phù hợp vận đơn. Mục 6 vận đơn quy định trách nhiệm bên vận chuyển phải tuân thủ theo pháp luật Hoa Kỳ và thông lệ vận chuyển quốc tế, S đã thông báo cho công ty T4 biết về việc S không được phép giữ lô hàng ở Hoa Kỳ vì trái pháp luật Hoa Kỳ và S không được phép giữ hàng khi khách hàng xuất trình thư bảo lãnh của ngân hàng nên S không có lỗi, không có nghĩa vụ bồi thường.

Căn cứ vào vận đơn ngày 03/12/2011, mục người nhận hàng theo yêu cầu của ngân hàng IDB. Tuy nhiên, Điều 92 của Bộ luật Hàng hải năm 2005 quy định: Người gửi hàng có quyền định đoạt hàng hoá cho đến khi hàng được trả cho người nhận hàng hợp pháp. Xét thấy, trước khi S giao hàng, công ty T4 đã nhiều lần gửi văn bản thông báo yêu cầu S không được giao hàng theo sự bảo lãnh của bên thứ ba, kể cả bảo lãnh ngân hàng, chỉ được giao lô hàng khi SKIVA (bên nhận hàng) xuất trình được vận đơn bản gốc, thông báo của công ty T4 được S xác nhận. Nhưng sau đó, S đã giao hàng mà không có vận đơn gốc có ký hậu hợp lệ của ngân hàng IDB.

Tuy nhiên, Mục 6 của vận đơn quy định trách nhiệm bên vận chuyển phải tuân thủ theo pháp luật Hoa Kỳ và thông lệ vận chuyển quốc tế. S trình bày,

không được phép giữ lô hàng ở Hoa Kỳ vì trái pháp luật Hoa Kỳ.

Theo quy định của khoản 1 Điều 7 Hiệp định vận tải biển được ký kết giữa Việt Nam và Hoa Kỳ ngày 08/3/2007 (đang hiệu lực) thì các luật và quy định của một bên sẽ được áp dụng đối với tàu, hành khách, thuyền viên và hàng hóa trên tàu của bên kia khi tàu đó đến, đậu lại hoặc rời lãnh thổ của Bên thứ nhất.

Do đó, trong trường hợp này cần phải xác định và yêu cầu cung cấp pháp luật Hoa Kỳ để Tòa án áp dụng trong việc giải quyết vụ án mới có căn cứ để đánh giá chính xác lỗi của bên vận chuyển và trách nhiệm bồi thường của bên vận chuyển. Trách nhiệm xác định và cung cấp pháp luật nước ngoài được thực hiện theo quy định Điều 481 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định lỗi hoàn toàn thuộc về bên vận chuyển là chưa đủ căn cứ. Chưa xác định và yêu cầu cung cấp pháp luật Hoa Kỳ để áp dụng trong việc giải quyết vụ án là chưa thực hiện đầy đủ việc thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Do đó, căn cứ Điều 481 của Bộ luật tố tụng Dân sự, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Quan điểm của Luật sư phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Do hủy án sơ thẩm, vì vậy các đương sự có kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH May T4; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty S,Ltd.

Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 1333/2020/KDTM-ST ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty TNHH May T4 và bị đơn Công ty S,Ltd mỗi đương sự 2.000.000 đồng, theo các biên lai thu tiền số 0092604 ngày 21/9/2020, 0092625 ngày 23/9/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Văn

Chung Văn Kết

Phạm Công Mười

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- NCQL&NVLQ;
- Lưu: HS, VP, 16bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Mười